| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**KHU VỰC 11 – VĨNH LONG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 02/2026/HNGĐ-ST.
Ngày: 14-01-2026.
V/v "*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*".

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – VĨNH LONG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* bà Lê Thị Trúc Linh.
*Các Hội thẩm nhân dân*:
1/. Ông Nguyễn Văn Thống.
2/. Ông Nguyễn Văn Hiệp.

***Thư ký phiên tòa***: bà Quách Thúy Lam – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long*** *tham gia phiên tòa*: bà Nguyễn Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2025/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 10 năm 2025 về "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2025/QĐXXST-HN ngày 11 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 197/2025/QĐST-HN, ngày 29/12/2025 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* bà Lê Minh N, sinh năm 1983 (yêu cầu xét xử vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

*Bị đơn:* ông Lê Văn L, sinh năm 1979 (vắng mặt).
Địa chỉ: Ấp T, xã N, tỉnh Vĩnh Long.

*Con chung của bà N và ông L tên:* Lê Bảo M, sinh ngày 29/11/2018.
Địa chỉ: Ấp T, xã N, tỉnh Vĩnh Long (yêu cầu xét xử vắng mặt).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bà Lê Minh N là nguyên đơn trình bày*: bà và ông L do quen biết, được cha mẹ hai bên gia đình đồng ý cho ông, bà đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (cũ) vào ngày 30/8/2006, nữ trang ngày cưới không có, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2019 thì ông, bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống chung trong gia đình nhưng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cự cải nguyên nhân do ông L

không quan tâm lo cho gia đình, vợ con, ông L ham chơi không lo làm ăn, bà cũng rất nhiều lần khuyên ông và cũng cho ông cơ hội để sửa đổi nhưng ông L cũng không thay đổi, cả hai càng nói thì càng mâu thuẫn nhiều hơn, bà cảm thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông L không còn hạnh phúc nữa và vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay không hàn gắn được.

Về nuôi con: Qúa trình chung sống vợ chồng sinh được 02 người con chung tên Lê Thị Bích N1, sinh ngày 13/10/2007 đã trưởng thành và Lê Bảo M, sinh ngày 29/11/2018 hiện đang sống chung với bà.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có tạo lập tài sản chung.

Về nợ chung: Quá trình chung sống vợ chồng không có thiếu nợ ai và cũng không có ai nợ vợ chồng bà.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

- Về hôn nhân: bà xin được ly hôn với ông Lê Văn L.

- Về nuôi con tên: Lê Thị Bích N1, sinh ngày 13/10/2007 đã trưởng thành và Lê Bảo M, sinh ngày 29/11/2018 hiện đang sống chung với bà, sau khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi dưỡng con tên Lê Bảo M, bà không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con, đối với con tên Lê Thị Bích N1 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Văn L là bị đơn vắng mặt nên không có lời trình bày.

*Cháu Lê Bảo M trình bày*: Cháu là con của bà Lê Minh N và ông Lê Văn L, cháu học lớp 02 trường tiểu học L1, hiện đang sống chung với mẹ, sau khi cha mẹ ly hôn nguyện vọng của cháu muốn được sống chung với mẹ là bà Lê Minh N.

Vụ kiện đã được Tòa án tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng ông Lê Văn L là bị đơn vắng mặt do đó không tiến hành phiên hòa giải được và quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay bà Lê Minh N là nguyên đơn, cháu Lê Bảo M là con của bà N và ông L vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, đối với ông Lê Văn L là bị đơn vắng mặt lần thứ 02 không có lý do.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này Thẩm phán đã chấp hành đúng theo Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp và tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên phía bị đơn ông Lê Văn L chưa chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại

Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự cụ thể ông Lê Văn L không có mặt trong các phiên hòa giải, công khai chứng cứ mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ.

Về nội dung vụ kiện Vị đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 19, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Minh N

Về hôn nhân: bà Lê Minh N được ly hôn với ông Lê Văn L.

Về con chung: bà Lê Minh N được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung Lê Bảo M, sinh ngày 29/11/2018.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: bà N chưa yêu cầu nên không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Vị còn đề nghị buộc đương sự có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng**: Tại phiên Tòa hôm nay bà Lê Minh N là nguyên đơn, cháu Lê Bảo M là con của bà N và ông L vắng mặt có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, đối với ông Lê Văn L là bị đơn vắng mặt lần thứ 02 không có lý do, căn cứ Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử.

**Về xác định quan hệ tranh chấp**: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thì đây là vụ án "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn", thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

**[2] Về nội dụng vụ án:**

**[2.1] Về hôn nhân**: Hôn nhân của bà Lê Minh N và ông Lê Văn L được xác lập vào năm 2006, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện B, tỉnh Bình Dương (cũ) vào ngày 30/8/2006 đúng quy định của pháp luật. Đây là tình tiết không cần phải chứng minh được quy định tại khoản 1 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, từ đó xác định hôn nhân giữa bà N và ông L là hôn nhân hợp pháp.

Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo bà N cho rằng thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến khoảng năm 2019 thì ông, bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống chung trong gia đình nhưng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra cự cải nguyên nhân do ông L không quan tâm lo cho gia đình, vợ con, ông L ham chơi không lo làm ăn, bà cũng rất nhiều lần khuyên ông và cũng cho

ông cơ hội để sửa đổi nhưng ông L cũng không thay đổi, cả hai càng nói thì càng mâu thuẫn nhiều hơn, bà cảm thấy cuộc sống hôn nhân giữa bà và ông L không còn hạnh phúc nữa và vợ chồng đã ly thân từ năm 2022 cho đến nay không hàn gắn được.

Qua xác minh người thân của đương sự và Chính quyền địa phương nơi ông L và bà N sinh sống thấy rằng giữa vợ chồng ông L có mâu thuẫn gì thì không nắm rõ, tuy nhiên từ năm 2022 đến nay không thấy bà N về gia đình ông L nữa (thể hiện tại bút lục số 30, 31).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình quy định vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc trong gia đình. Bà N cho rằng bà và ông L không còn sống chung từ năm 2022 cho đến nay, không hàn gắn được.

Nay bà N xác nhận vợ chồng không còn tình cảm với nhau và yêu cầu được ly hôn, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà N là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

**[2.2] Về nuôi con tên**: Lê Thị Bích N1, sinh ngày 13/10/2007 đã trưởng thành và Lê Bảo M, sinh ngày 29/11/2018 hiện đang sống chung với bà N, theo lời trình bày của bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con tên Lê Bảo M, mặt khác theo nguyện vọng của cháu Bảo M muốn được sống với bà N, từ đó nghĩ nên giao bà N được quyền tiếp tục nuôi dưỡng cháu Bảo M sau khi ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình, đối với con tên Lê Thị Bích N1 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Lê Văn L có quyền thăm nom chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

**[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con**: bà Lê Minh N chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**[2.4] Về tài sản chung, về nợ chung**: Các đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét.

**[2.5] Về án phí**: bà Lê Minh N có nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

**[2.6]** Xét quan điểm của Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Vĩnh Long là có căn cứ chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 19, 51, 53, 54, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình;

Các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**:

**1.** Chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của bà Lê Minh N.

- Về hôn nhân: Cho bà Lê Minh N và ông Lê Văn L được ly hôn.

- Về nuôi con: bà Lê Minh N được tiếp tục nuôi dưỡng con tên Lê Bảo M, sinh ngày 29/11/2018, đối với con tên Lê Thị Bích N1 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Lê Văn L được quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự chưa yêu cầu nên không xem xét.

- Về tài sản chung, về nợ chung: Các đương sự chưa yêu cầu, nên không xem xét.

**- Về án phí**: bà Lê Minh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003937, ngày 02/10/2025 do Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long thu, bà Lê Minh N đã nộp đủ tiền án phí, ông Lê Văn L không phải nộp án phí.

**2.** Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

(*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*).

***Nơi nhận:***
-TAND tỉnh Vĩnh Long.
-VKSND khu vực 11 – Vĩnh Long.
-THADS tỉnh Vĩnh Long.
-Các đương sự.
-Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Trúc Linh**